UBND TỈNH ĐỒNG THÁP
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:1478/HD-SKHCN

Đồng Tháp, ngày 17 tháng 07 năm 2023

HƯỚNG DẪN
Triển khai thực hiện Quyết định số 384/QĐ-UBND ngày 03/4/2023 của Uỷ ban nhân dân Tỉnh ban hành Khung cấu trúc mô hình và Bộ tiêu chí Làng thông minh áp dụng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2021 - 2025

Căn cứ Quyết định số 319/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 97/QĐ-UBND-HC ngày 16/5/2022 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc Thành lập Tổ điều hành triển khai, thực hiện Đề tài *"Nghiên cứu xây dựng mô hình Làng thông minh phát triển từ Hội quán nông dân tại Đồng Tháp"* và Quyết định số 112/QĐ-UBND-HC ngày 02/8/2022 về việc điều chỉnh bổ sung nội dung và một số Điều của Quyết định số 97/QĐ-UBND-TL ngày 16/5/2022 của Uỷ ban nhân dân Tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 384/QĐ-UBND-HC ngày 04/3/2023 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc ban hành Khung cấu trúc mô hình và Bộ tiêu chí Làng thông minh áp dụng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2021 - 2025;

Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp sở, ban ngành tỉnh xây dựng Hướng dẫn triển khai thực hiện Bộ tiêu chí Làng thông minh theo Quyết định số 384/QĐ-UBND-HC ngày 04/3/2023 với các nội dung cụ thể tại **Phụ lục I** kèm theo.

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc có phát sinh các quy định mới liên quan, đề nghị phản ánh kịp thời về sở, ngành phụ trách tiêu chí (*đầu mối phụ trách theo danh sách tại* **Phụ lục II**) hoặc Sở Khoa học và Công nghệ để được hướng dẫn cụ thể. Đối với nội dung ý kiến vượt thẩm quyền Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, báo cáo Uỷ ban nhân dân Tỉnh xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:
- UBND Tỉnh (b/c);
- Các sở, ngành Tỉnh liên quan;
- UBND huyện, thành phố;
- Phòng KT/KT&HT cấp huyện;
- Đơn vị trực thộc Sở;
- Lưu: VT, QLKH (Tr).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TỈNH ĐỒNG THÁP

Nguyễn Thành Tài

Phụ lục I

CÁC NỘI DUNG VỀ LÀNG THÔNG MINH TỈNH ĐỒNG THÁP

(kèm theo Hướng dẫn số 1478/HD-SKHCN ngày 17/ 07 /2023 của Sở Khoa học và Công nghệ)

I. KHÁI NIỆM LÀNG THÔNG MINH TỈNH ĐỒNG THÁP

Làng thông minh - Đồng Tháp là mô hình kết nối cộng đồng ứng dụng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo nhằm phát triển nông thôn bền vững, hướng đến nâng cao chất lượng cuộc sống người dân dựa trên thế mạnh và cơ hội của địa phương.

II. KHUNG CẤU TRÚC THÔNG MINH TỈNH ĐỒNG THÁP

Khung cấu trúc mô hình Làng thông minh tỉnh Đồng Tháp bao gồm:

a) Quy mô Làng thông minh dựa trên ít nhất một ấp;

b) Làng thông minh là mô hình kết nối cộng đồng mang tính tự nguyện;

c) Làng thông minh được xác định tại một khu vực địa lý, địa bàn cụ thể;

d) Làng Thông minh cần gắn liền với ít nhất một Hội quán nông dân hoặc một Hợp tác xã hay Tổ hợp tác sản xuất;

đ) Làng thông minh phải có sản phẩm đặc thù của địa phương; sản phẩm này đạt chuẩn từ 04 sao trở lên thuộc Chương trình OCOP;

e) Làng thông minh có quy định/quy chế về quản trị và vận hành phù hợp với việc đầu tư, khai thác và phát triển các hạng mục công trình liên quan.

III. BỘ TIÊU CHÍ LÀNG THÔNG MINH TỈNH ĐỒNG THÁP

Làng thông minh trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp đạt chuẩn theo Quyết định số 384/QĐ-UBND-HC ngày 03/4/2023 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp khi đáp ứng đủ các về số lượng và yêu cầu chất lượng các tiêu chí sau:

1. NHÓM TIÊU CHÍ HẠ TẦNG SỐ

1.1. Tiêu chí: Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh của người dân trong độ tuổi lao động;

a) Nội dung chỉ tiêu: Có từ 50% số người dân trong độ tuổi lao động có thuê bao sử dụng điện thoại thông minh;

b) Hồ sơ minh chứng: Danh sách thuê bao điện thoại thông minh từng ấp theo bảng sau:

TT	Tên ấp	Số người dân trong độ tuổi lao động	Số thuê bao sử dụng điện thoại thông minh của người dân trong độ tuổi lao động
1	Ấp …		
2	Ấp …		

**** Ghi chú:***

- Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh của người dân trong độ tuổi lao động = Tổng số lượng thuê bao sử dụng điện thoại thông minh của người dân trong độ tuổi lao động/Tổng số lượng người dân trong độ tuổi lao động.

- Số liệu về người dân trong độ tuổi lao động, thuê bao sử dụng điện thoại thông minh của người dân trong độ tuổi lao động đề nghị kết hợp chung với cuộc điều tra thu nhập, lao động, việc làm…

c) Hướng dẫn đánh giá: Nếu đạt yêu cầu của nội dung chỉ tiêu thì đánh giá "đạt", nếu chưa đạt yêu cầu của nội dung chỉ tiêu thì đánh giá "không đạt".

1.2. Tiêu chí: Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng

a) Nội dung chỉ tiêu: tại tất cả các điểm sinh hoạt cộng đồng (khu vực trung tâm xã, các nơi sinh hoạt cộng đồng, các điểm du lịch cộng đồng...) đều có mạng wifi miễn phí.

Đáp ứng đủ các điều kiện mạng wifi miễn phí ở các địa điểm sau:

- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của xã;
- Trung tâm Văn hóa học tập cộng đồng xã;
- Nhà Văn hóa ấp;
- Hội quán nông dân hoặc Hợp tác xã hay Tổ hợp tác sản xuất;
- Các điểm du lịch cộng đồng;

Mạng wifi tại các địa điểm trên có đường truyền kết nối internet băng thông rộng tốc độ từ 100 Mbps trở lên.

b) Hồ sơ minh chứng: Danh sách các điểm công cộng

TT	Địa điểm	Mạng wifi miễn phí		
		Có	Không	Tốc độ đường truyền internet (Mbps)
1	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của xã.			
2	Trung tâm Văn hóa học tập cộng đồng xã.			
3	Nhà Văn hóa ấp			
4	Hội quán nông dân hoặc Hợp tác xã hay Tổ hợp tác sản xuất			
5	Điểm du lịch cộng đồng ...			

* Ghi chú: Đánh dấu X vào cột có hoặc không. Ghi tốc độ đường truyền internet vào cột Tốc độ đường truyền internet (Mbps).

c) Hướng dẫn đánh giá: Nếu đạt yêu cầu của nội dung chỉ tiêu thì đánh giá "đạt", nếu chưa đạt yêu cầu của nội dung chỉ tiêu thì đánh giá "không đạt".

1.3. Tiêu chí: Hệ thống camera giám sát an ninh;

a) Nội dung chỉ tiêu: Có hệ thống camera giám sát an ninh (các nút giao thông trọng điểm, khu vực đông người), hoạt động ổn định;

b) Hồ sơ minh chứng:

- Camera có độ chuẩn xác cao, hình ảnh sắc nét, có khả năng nhận diện khuôn mặt, cảnh báo đám đông,…

- Hệ thống đảm bảo hoạt động 24/7, hoạt động ổn định ngày, đêm trong mọi thời tiết. Hệ thống máy chủ hoạt động ổn định được đánh giá ít nhất 30 ngày, đêm vận hành liên tục và dữ liệu lưu trữ phải đảm bảo tồn tại ít nhất 30 ngày, đêm.

- Giám sát được tình hình liên quan an ninh trật tự diễn ra tại khu vực Làng thông minh, trọng tâm tại các nút giao thông trọng điểm, các khu vực tập trung dân cư (chợ, trường học, trạm xá,…), các địa điểm quan trọng (cơ quan Đảng, Nhà nước,…).

- Phải có hồ sơ mô hình camera theo quy định của Bộ Công an.

c) Hướng dẫn đánh giá: Nếu đạt yêu cầu của nội dung chỉ tiêu thì đánh giá "đạt", nếu chưa đạt yêu cầu của nội dung chỉ tiêu thì đánh giá "không đạt".

1.4. Tiêu chí: Thành viên Tổ Điều hành sử dụng điện thoại thông minh kết nối internet phục vụ hoạt động vận hành Làng thông minh;

a) Nội dung chỉ tiêu: Tỷ lệ thành viên Tổ Điều hành sử dụng điện thoại thông minh có kết nối internet để phục vụ hoạt động vận hành Làng thông minh đạt 100%;

b) Hồ sơ minh chứng: Danh sách Thành viên Tổ Điều hành sử dụng điện thoại thông minh có kết nối internet theo bảng sau

TT	Họ và tên thành viên	Chức vụ	Điện thoại thông minh (có/không)	Kết nối internet (có/không)
Tỷ lệ thành viên sử dụng điện thoại thông minh có kết nối internet ….%				

**** Ghi chú:*** *Tỷ lệ thành viên Tổ Điều hành sử dụng điện thoại thông minh có kết nối internet = Tổng số thành viên có kết nối mạng internet/Tổng số thành viên.*

c) Hướng dẫn đánh giá: Nếu đạt yêu cầu của nội dung đánh giá thì chấm "đạt", nếu chưa đạt yêu cầu của nội dung đánh giá thì chấm "không đạt".

2. NHÓM TIÊU CHÍ DỊCH VỤ SỐ VÀ CHIA SẺ DÙNG CHUNG

2.1. Tiêu chí: hệ thống thông tin dữ liệu Làng thông minh;

a) Nội dung chỉ tiêu: Có tối thiểu 01 hệ thống thông tin dữ liệu Làng thông minh.

b) Hồ sơ minh chứng:

- Văn bản triển khai hệ thống thông tin dữ liệu Làng thông minh.

- Địa chỉ truy cập và khai thác cổng thông tin dữ liệu: ……

c) Hướng dẫn đánh giá: Nếu đạt yêu cầu của nội dung chỉ tiêu thì đánh giá "đạt", nếu chưa đạt yêu cầu của nội dung chỉ tiêu thì đánh giá "không đạt".

2.2. Tiêu chí: Quảng bá hình ảnh Làng thông minh trên Cổng/Trang thông tin điện tử;

a) Nội dung chỉ tiêu: Có nội dung quảng bá hình ảnh Làng thông minh trên Cổng/Trang thông tin điện tử cấp huyện và được cập nhật ít nhất 1 lần/tháng.

- Có Cổng/Trang thông tin điện tử của huyện hoặc thành phố.

- Có nội dung quảng bá hình ảnh Làng thông minh được cập nhật ít nhất 01 lần/tháng.

b) Hồ sơ minh chứng:

- Địa chỉ Cổng/Trang thông tin điện tử cấp huyện: ……

- Danh sách nội dung quảng bá hình ảnh Làng thông minh trên Cổng/Trang thông tin điện tử cấp huyện.

TT	Tên nội dung	Ngày đăng tải trên Cổng/Trang thông tin điện tử cấp huyện

c) Hướng dẫn đánh giá: Nếu đạt yêu cầu của nội dung chỉ tiêu thì đánh giá "đạt", nếu chưa đạt yêu cầu của nội dung chỉ tiêu thì đánh giá "không đạt".

2.3. Tiêu chí: Kết nối, chia sẻ kinh nghiệm trong bộ phận dân cư địa phương và người dân với chính quyền;

a) Nội dung chỉ tiêu: Có ít nhất 01 ứng dụng kết nối, chia sẻ kinh nghiệm trong bộ phận dân cư địa phương và người dân với chính quyền.

b) Hồ sơ minh chứng:

- Văn bản triển khai ứng dụng kết nối, chia sẻ kinh nghiệm trong bộ phận dân cư địa phương và người dân với chính quyền.

- Địa chỉ truy cập và khai thác ứng dụng: ……

c) Hướng dẫn đánh giá: Nếu đạt yêu cầu của nội dung chỉ tiêu thì đánh giá "đạt", nếu chưa đạt yêu cầu của nội dung chỉ tiêu thì đánh giá "không đạt".

2.4. Tiêu chí: Thu thập và chia sẻ dữ liệu trực tuyến phục vụ sản xuất/sinh hoạt;

a) Nội dung chỉ tiêu: Có ít nhất 01 mô hình quan trắc thu thập và chia sẽ dữ liệu trực tuyến phục vụ sản xuất/sinh hoạt.;

b) Hồ sơ minh chứng:

+ Văn bản triển khai mô hình quan trắc thu thập và chia sẽ dữ liệu trực tuyến phục vụ cho sản xuất/sinh hoạt tại Làng thông minh.

+ Địa chỉ truy cập và khai thác dữ liệu trực tuyến trên trang thông tin.

c) Hướng dẫn đánh giá: Nếu đạt yêu cầu của nội dung chỉ tiêu thì đánh giá "đạt", nếu chưa đạt yêu cầu của nội dung chỉ tiêu thì đánh giá "không đạt".

2.5. Tiêu chí: Có kênh kỹ thuật số phổ biến thông tin;

a) Nội dung chỉ tiêu: Có ít nhất 01 kênh kỹ thuật số phổ biến thông tin, tương tác, giải quyết ý kiến của người dân thông qua mạng kết nối.;

b) Hồ sơ minh chứng:

- Văn bản triển khai kênh kỹ thuật số phổ biến thông tin, tương tác, giải quyết ý kiến của người dân thông qua mạng kết nối.

- Địa chỉ truy cập và khai thác ứng dụng: ……

c) Hướng dẫn đánh giá: Nếu đạt yêu cầu của nội dung chỉ tiêu thì đánh giá "đạt", nếu chưa đạt yêu cầu của nội dung chỉ tiêu thì đánh giá "không đạt".

2.6. Tiêu chí: chuyển đổi số của các cơ sở giáo dục trên địa bàn;

a) Nội dung chỉ tiêu: các cơ sở giáo dục trên địa bàn thực hiện chuyển đổi số theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo đạt mức độ 3;

b) Hồ sơ minh chứng: theo Hướng dẫn tại Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Giáo dục và Đào tạo ban hành bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

c) Hướng dẫn đánh giá: Căn cứ vào tiêu chí và thang điểm của Hướng dẫn tại Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Giáo dục và Đào tạo.

2.7. Tiêu chí: Cơ sở giáo dục trên địa bàn thanh toán không dùng tiền mặt;

a) Nội dung chỉ tiêu: Tất cả các cơ sở giáo dục trên địa bàn đều triển khai thanh toán không dùng tiền mặt;

b) Hồ sơ minh chứng: thông qua các kế hoạch triển khai và căn cứ vào số lượng các cơ sở giáo dục trên địa bàn thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt;

c) Hướng dẫn đánh giá: Nếu đạt yêu cầu của nội dung chỉ tiêu thì đánh giá "đạt", nếu chưa đạt yêu cầu của nội dung chỉ tiêu thì đánh giá "không đạt".

2.8. Tiêu chí: Tiếp nhận và xử lý hồ sơ thực hiện tại Công an cấp xã qua dịch vụ công trực tuyến;

a) Nội dung chỉ tiêu: Việc tiếp nhận và xử lý hồ sơ thực hiện tại Công an cấp xã về: đăng ký và xoá đăng ký thường trú, đăng ký và xoá đăng ký tạm trú, tách hộ, điều chỉnh và xác nhận thông tin cư trú, khai báo tạm vắng, đăng ký xe mô tô, xe gắn máy qua dịch vụ công trực tuyến đạt ít nhất 50%;

b) Hồ sơ minh chứng:

- Các quy định pháp lý thực hiện:

+ Quyết định số 2609/QĐ-BCA-C08 ngày 20/4/2021 của Bộ Công an;

+ Quyết định số 5548/QĐ-BCA-C06 ngày 07/6/2021 của Bộ Công an;

+ Quyết định số 3191/QĐ-BCA ngày 10/5/2022 của Bộ Công an;

+ Quyết định số 430/QĐ-BCA-C08 ngày 26/01/2023 của Bộ Công an;

- Về thời hạn và thời gian:

+ Thời hạn giải quyết, trả kết quả: được tính từ khi hồ sơ yêu cầu dịch vụ công trực tuyến đầy đủ thủ tục, điều kiện và được cán bộ, chiến sỹ tiếp nhận mở hồ sơ trên hệ thống;

+ Thời gian đăng ký, nộp hồ sơ trực tuyến: có thể thực hiện dịch vụ công trực tuyến vào bất kỳ thời gian nào.

+ Công an cấp xã phải khẩn trương liên hệ tổ chức, công dân để hướng dẫn giải quyết dứt điểm các phản ánh, kiến nghị khi tiếp nhận thông tin.

- Về phân công theo dõi, thực hiện:

+ Có văn bản phân công cán bộ thực hiện hoặc luân phiên theo dõi, tiếp nhận, xử lý hồ sơ đăng ký kịp thời theo thủ tục, không để xảy ra tình trạng tồn đọng. Đảm bảo cổng dịch vụ công trực tuyến luôn duy trì trạng thái sẵn sàng đăng nhập.

+ Cán bộ phân công thực hiện phải nắm chắc nghiệp vụ, linh hoạt trong tiếp nhận và xử lý. Việc hướng dẫn bổ sung hồ sơ chỉ cần hướng dẫn một lần duy nhất.

- Trình tự thực hiện:

+ Đối với tổ chức, cá nhân:

* *Bước 1*: Công dân truy cập vào Cổng dịch vụ công Quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công Bộ Công an (https://dichvucong.bocongan.gov.vn). Đăng nhập tài khoản hoặc tạo tài khoản để thực hiện.

* *Bước 2*: Tại giao diện Cổng dịch vụ công, chọn thủ tục hành chính cần thực hiện.

* *Bước 3*: Tiến hành điền đầy đủ thông tin vào biểu mẫu, đính kèm các file tài liệu, chọn ình thức nhận kết quả giải quyết.

* *Bước 4*: Thực hiện thanh toán phí, lệ phí (nếu có).

* *Bước 5*: Kiểm tra thông tin và thực hiện nộp hồ sơ.

+ Đối với cơ quan tiếp nhận, giải quyết hồ sơ: Kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ;

* Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ:

* Trường hợp hồ sơ hợp lệ nhưng chưa đầy đủ:

* Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện:

- Về quy định trả kết quả: Trả kết quả thông qua bưu chính công ích, qua thư điện tử hoặc tài khoản trên Cổng dịch vụ công theo quy định của pháp luật (kết quả điện tử, chữ ký số).

c) Hướng dẫn đánh giá: Đánh giá đạt khi thụ lý và trả kết quả hồ sơ đăng ký, quản lý cư trú, đăng ký xe mô tô, xe gắn máy qua dịch vụ công trực tuyến đạt từ 50% trở lên so với tổng số hồ sơ thuộc các lĩnh vực này đã được giải quyết;

2.9. Tiêu chí: Triển khai giáo dục STEM/STEAM trên địa bàn;

a) Nội dung chỉ tiêu: Tất cả các cơ sở giáo dục trên địa bàn đều có triển khai giáo dục STEM/STEAM;

b) Hồ sơ minh chứng: thông qua các kế hoạch triển khai, minh chứng bằng hình ảnh, Video, kế hoạch triển khai và căn cứ vào số lượng các cơ sở giáo dục trên địa bàn có triển khai giáo dục STEM/STEAM.

c) Hướng dẫn đánh giá: Nếu đạt yêu cầu của nội dung chỉ tiêu thì đánh giá "đạt", nếu chưa đạt yêu cầu của nội dung chỉ tiêu thì đánh giá "không đạt".

2.10. Tiêu chí: Triển khai mô hình giáo dục thông minh;

a) Nội dung chỉ tiêu: Tất cả các cơ sở giáo dục trên địa bàn đều có triển khai mô hình giáo dục thông minh;

b) Hồ sơ minh chứng: thông qua các kế hoạch triển khai, minh chứng bằng hình ảnh, Video, kế hoạch triển khai giảng dạy.

c) Hướng dẫn đánh giá: Nếu đạt yêu cầu của nội dung chỉ tiêu thì đánh giá "đạt", nếu chưa đạt yêu cầu của nội dung chỉ tiêu thì đánh giá "không đạt".

2.11. Tiêu chí: Áp dụng chuyển đổi số trong thủ tục khen thưởng;

a) Nội dung chỉ tiêu: Thực hiện thủ tục chuyển đổi số trong tặng thưởng Bằng khen cấp tỉnh về thành tích đột xuất đạt mức độ 4;

- Tiêu chuẩn, thủ tục, hồ sơ thực hiện theo quy định của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/22017 của Chính phủ;

b) Hồ sơ minh chứng:

- Báo cáo về người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thự điện tử thông suốt trong thủ tục đề nghị tặng Bằng khen cấp tỉnh.

c) Hướng dẫn đánh giá:

Căn cứ tỷ lệ người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến thực hiện thủ tục đề nghị tặng Bằng khen cấp tỉnh từ 70% trở lên thì đánh giá "đạt", nếu chưa đạt yêu cầu của nội dung chỉ tiêu thì đánh giá "không đạt".

* Tỷ lệ người dân tham gia dịch vụ công trực tuyến = Số lượng người dân có sử dụng dịch vụ công trực tuyến/Tổng số người dân sử dụng dịch vụ công bằng các hình thức *(cả trực tuyến và trực tiếp)*.

2.12. Tiêu chí: Hồ sơ sức khoẻ điện tử;

Hồ sơ sức khoẻ điện tử được định nghĩa và hiểu như sau:

- Hồ sơ sức khỏe điện tử (EHR) là bản tin học hóa dữ liệu sức khỏe của một cá nhân được lập, hiển thị, cập nhật, lưu trữ và chia sẻ bằng phương tiện điện tử.

- Sổ khám chữa bệnh điện tử là một cấu phần của Hồ sơ sức khỏe điện tử, để ghi triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, chẩn đoán và kê đơn thuốc điều trị ngoại trú.

- Tử số: Dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử, có thông tin về sức khỏe, hoạt động khám bệnh, chữa bệnh được lưu trữ, cập nhật và chia sẻ bằng phương tiện điện tử.

- Mẫu số: Dân số trung bình của khu vực trong năm báo cáo.

- Dạng số liệu: Tỷ lệ phần trăm.

a) Nội dung chỉ tiêu: Tỷ lệ dân số có hồ sơ sức khoẻ điện tử đạt ít nhất 90%;

b) Hồ sơ minh chứng: Uỷ ban nhân dân cấp xã cung cấp số liệu từ Trung tâm Y tế huyện, thành phố tổng hợp số liệu người dân trên địa bàn, báo cáo hàng tháng hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu;

c) Hướng dẫn thực hiện và đánh giá:

- UBND xã/huyện tuyên truyền ứng dụng mobile App cho người dân cài app trên Google CH Play và Apple AppStore với tên "Y tế Đồng Tháp".

- Người dân thực hiện đăng ký liên kết dữ liệu khám chữa bệnh của cá nhân và người thân trong gia đình theo mẫu Phiếu đăng ký *(Quyết định số 684/QĐ-SYT ngày 09/6/2020 của Sở Y tế)*.

- Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thực hiện việc đối chiếu và liên kết dữ liệu cho người dân khi có yêu cầu.

- Đối với người dân sử dụng điện thoại thông minh: có APP Mobile chứa hồ sơ sức khỏe điện tử cá nhân với các tính năng như thông tin cá nhân, đặt lịch hẹn khám bệnh từ xa theo giờ, hồ sơ sức khỏe, ...

- Người dân tiếp nhận được kết quả khám từ cơ sở y tế; cập nhật các thông tin về sức khoẻ cá nhân vào sổ khám bệnh điện tử.

2.13. Tiêu chí: Người dân tham gia sử dụng dịch vụ công trực tuyến;

a) Nội dung chỉ tiêu: Số lượng người dân tham gia sử dụng dịch vụ công trực tuyến đạt tỷ lệ ít nhất 70%;

b) Hồ sơ minh chứng: Báo cáo về người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thự điện tử thông suốt;

c) Hướng dẫn đánh giá:

Căn cứ tỷ lệ người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến để đánh giá "đạt", nếu chưa đạt yêu cầu của nội dung thì đánh giá "không đạt".

* Tỷ lệ người dân tham gia dịch vụ công trực tuyến = Số lượng người dân có sử dụng dịch vụ công trực tuyến/Tổng số người dân sử dụng dịch vụ công bằng các hình thức *(cả trực tuyến và trực tiếp)*.

3. NHÓM TIÊU CHÍ PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

3.1. Tiêu chí: Ứng dụng công nghệ số trong truy xuất nguồn gốc nông sản;

a) Nội dung chỉ tiêu: Có ít nhất 01 sản phẩm ứng dụng công nghệ số trong truy xuất nguồn gốc với sự tham gia của người dân;

b) Hồ sơ minh chứng: Báo cáo về sản phẩm chủ lực của xã được truy xuất nguồn gốc tại thời điểm đánh giá; đính kèm giấy chứng nhận cấp mã QR Code sản phẩm vẫn còn hiệu lực;

c) Hướng dẫn đánh giá: Đánh giá đạt khi có tối thiểu 01 sản phẩm nông sản chủ lực của địa phương được các cơ sở sản xuất kinh doanh hoặc Hợp tác xã hoặc Tổ hợp tác hoặc Hội quán nông dân thiết lập hệ thống điện tử truy xuất nguồn gốc đảm bảo các yêu cầu lưu trữ, truy xuất thông tin ở mỗi công đoạn từ sản xuất đến lưu trữ, chế biến và thương mại sản phẩm.

3.2. Tiêu chí: Kinh doanh sản phẩm chủ lực trên kênh thương mại điện tử;

a) Nội dung chỉ tiêu: Có ít nhất 01 sản phẩm chủ lực được kinh doanh trên kênh thương mại điện tử;

b) Hồ sơ minh chứng: Báo cáo số lượng sản phẩm nông sản chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử tại thời điểm năm đánh giá. Địa chỉ website kênh mua bán và link truy cập tìm kiếm sản phẩm hoặc ứng dụng mua bán, hình ảnh minh chứng;

c) Hướng dẫn đánh giá: Đánh giá đạt khi có tối thiểu 01 sản phẩm chủ lực của địa phương do cơ sở sản xuất kinh doanh hoặc Hợp tác xã hoặc Tổ hợp tác hoặc Hội quán nông dân đã được thiết lập mã truy xuất nguồn gốc sản phẩm và kinh doanh bán qua kênh thương mại điện tử (thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội).

3.3. Tiêu chí: số hóa dữ liệu canh tác cây trồng;

a) Nội dung chỉ tiêu: Tỷ lệ số hóa dữ liệu về diện tích gieo trồng, diện tích thu hoạch, năng suất, sản lượng, cơ cấu giống, lịch xuống giống, hạ tầng thuỷ lợi đạt tỷ lệ ít nhất 80%;

b) Hồ sơ minh chứng: Cung cấp nội dung thực hiện số hóa thông qua mã QR, hoặc link được cập nhật thường xuyên các dữ liệu về: diện tích gieo trồng, diện tích thu hoạch, năng suất, sản lượng, cơ cấu giống, lịch xuống giống, hạ tầng thủy lợi qua nền tảng chuyển đổi số ngành nông nghiệp hoặc các ứng dụng tương tự.;

c) Hướng dẫn đánh giá:

- Đánh giá dựa trên diện tích áp dụng số hóa trên tổng diện tích loại cây trồng chủ lực của Làng thông minh đăng ký đạt chỉ tiêu ≥ 80%.

- Hạ tầng thuỷ lợi trong vùng sản xuất được quản lý số hóa phải đáp ứng ≥80% tổng diện tích sản xuất, trong đó:

+ Hệ thống bờ bao nội đồng: Đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm theo Bộ tiêu chí xã NTM nâng cao về giao thông.

+ Hệ thống thủy lợi nội đồng phải được bảo trì hàng năm. Hệ thống thuỷ lợi nội đồng liên vùng phải thông suốt, đảm bảo như cầu vận chuyển hàng hóa, các loại trang thiết bị, vật tư nông nghiệp và sản phẩm sau thu hoạch.

+ Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động theo Bộ tiêu chí xã NTM nâng cao.

+ Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước: Bộ tiêu chí xã NTM nâng cao.

+ Khuyến khích sử dụng hệ thống cống, trạm bơm điện thông minh; đảm bảo việc tưới tiêu chủ động nhằm tiết kiệm điện, nước.

Nếu đạt yêu cầu của nội dung thì đánh giá "đạt", nếu chưa đạt yêu cầu của nội dung thì đánh giá "không đạt".

3.4. Tiêu chí: Cấp mã số vùng trồng sản phẩm chủ lực;

a) Nội dung chỉ tiêu: Có tối thiểu 01 mã số vùng trồng sản phẩm chủ lực được cấp (cây lúa: ≥ 85% diện tích; cây ăn trái: ≥ 80% diện tích; rau màu: ≥ 50% diện tích)

* Thuật ngữ và định nghĩa:

- *Vùng trồng:* là một vùng sản xuất trồng chủ yếu một loại cây trồng. Vùng sản xuất có thể bao gồm nhiều điểm sản xuất được quản lý cùng một quy trình sản xuất.

- *Mã số vùng trồng:* Là mã số được cấp cho một vùng trồng đã đáp ứng được các yêu cầu về áp dụng các biện pháp quản lý sinh vật gây hại, kiểm soát dư lượng thuốc bảo vệ thực vật và các điều kiện kỹ thuật khác đảm bảo đáp ứng quy định của Việt Nam và quốc gia nhập khẩu.

* Yêu cầu:

- Yêu cầu về quy mô tối thiểu của vùng trồng trong nước[1]:

+ Cây trồng lâu năm: 01 ha.

+ Cây hàng năm: 0,1 ha.

- Yêu cầu về quy mô tối thiểu của vùng trồng xuất khẩu[2]:

+ Cây trồng lâu năm: 10 ha.

+ Cây hàng năm: khuyến khích xây dựng vùng nguyên liệu đủ lớn để liên kết tiêu thụ (khoảng 5 ha trở lên).

- Vùng trồng đáp ứng các điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm theo quy định của Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12.

- Có đầy đủ thông tin: đối tượng cây trồng, tên giống cây trồng, diện tích, tiêu chuẩn (quy trình) áp dụng, sản lượng dự kiến, thời gian dự kiến thu hoạch, thị trường dự kiến tiêu thụ (vào đầu vụ/chu kỳ thu hoạch) và sản lượng chính thức khi kết thúc thu hoạch, sau khi đã được cấp mã số vùng trồng.

b) Hồ sơ minh chứng: Báo cáo rà soát, cập nhật cơ sở dữ liệu mã số vùng trồng được cấp mã số vùng trồng.;

c) Hướng dẫn đánh giá: Mã số vùng trồng được cấp đáp ứng theo quy định các yêu cầu về cấp và quản lý mã số vùng trồng lĩnh vực trồng trọt. Đối tượng: Là các tổ chức, cá nhân thực hiện sản xuất trồng trọt tại địa phương;

Nếu đạt yêu cầu của nội dung chỉ tiêu thì đánh giá "đạt", nếu chưa đạt yêu cầu của nội dung thì đánh giá "không đạt".

---

[1] Theo Quyết định số 3156/QĐ-BNN-TT ngày 19/8/2022 của Bộ NN&PTNT về việc ban hành tài liệu hướng dẫn tạm thời về cấp, quản lý mã số vùng trồng.

[2] Theo công văn số 1776/BNN-BVTV ngày 23/3/2023 cảu Bộ NN&PTNT về việc cấp và quản lý mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói nông sản phục vụ xuất khẩu.

3.5. Tiêu chí: Cơ sở sản xuất, kinh doanh nông sản đạt chứng nhận đủ điều kiện;

a) Nội dung chỉ tiêu: Có ít nhất 01 cơ sở sản xuất, kinh doanh nông sản trên địa bàn đạt chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm hoặc tương đương thực hiện ứng dụng công nghệ truy xuất nguồn gốc sản phẩm;

b) Hồ sơ minh chứng:

- Báo cáo rà soát các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông sản được chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm hoặc tương đương còn hiệu lực.

- Danh sách các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông sản ứng dụng công nghệ truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

- Hợp đồng tư vấn chuyển giao, cung cấp dịch vụ phần mềm truy xuất nguồn gốc sản phẩm được nghiệm thu và thanh lý hợp đồng.

c) Hướng dẫn đánh giá:

Cơ sở sản xuất, kinh doanh nông sản đạt chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm hoặc tương đương còn hiệu lực (GMP, HACCP, ISO 22000, IFS, BRC, FSSC 22000) và ứng dụng công nghệ truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

Nếu đạt yêu cầu của nội dung chỉ tiêu thì đánh giá "đạt", nếu chưa đạt yêu cầu của nội dung thì đánh giá "không đạt".

3.6. Tiêu chí: Ứng dụng trực tuyến lấy ý kiến người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới;

a) Nội dung chỉ tiêu: Việc tổ chức lấy ý kiến người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới phải thông qua ứng dụng trực tuyến.

b) Hồ sơ minh chứng:

Cung cấp nội dung thực hiện số hóa thông qua mã QR, hoặc link được cập nhật thường xuyên các dữ liệu về sự hài lòng của người dân theo tỷ lệ quy định của Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Tỉnh thông qua ứng dụng *"Phần mềm số hoá đánh giá nông thôn mới"* của tỉnh.

c) Hướng dẫn đánh giá:

Vào thời điểm xét công nhận *"Làng thông minh",* trên địa bàn xã phải lấy ý kiến sự hài lòng của người dân thông qua ứng dụng trực tuyến do Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, huyện thực hiện.

3.7. Tiêu chí: Mức độ đạt chuẩn của sản phẩm OCOP;

a) Nội dung chỉ tiêu: Có ít nhất 01 sản phẩm đạt chuẩn OCOP từ 04 sao trở lên.

b) Hồ sơ minh chứng: Cung cấp Quyết định công nhận sản phẩm OCOP 4 sao của Ủy ban nhân dân Tỉnh hoặc Quyết định công nhận sản phẩm OCOP 5 sao của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nếu có) trong thời hạn theo quy định.

c) Hướng dẫn đánh giá: Vào thời điểm xét công nhận, trên địa bàn của Làng thông minh phải có ít nhất 01 sản phẩm OCOP đạt từ 4 sao trở lên được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định đạt chuẩn còn thời hạn.

4. NHÓM TIÊU CHÍ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ

4.1. Tiêu chí: Điều hành hoạt động Làng thông minh;

a) Nội dung chỉ tiêu: Địa phương có thành lập Tổ điều hành hoạt động Làng thông minh và có nội dung hoạt động đạt hiệu quả;

b) Hồ sơ minh chứng: các văn bản thành lập của chính quyền cấp xã và kế hoạch hoạt động Tổ điều hành Làng thông minh được ban hành và triển khai;

c) Hướng dẫn đánh giá: Nếu đạt yêu cầu của nội dung chỉ tiêu thì đánh giá "đạt", nếu chưa đạt yêu cầu của nội dung thì đánh giá "không đạt".

4.2. Tiêu chí: Quy chế vận hành Làng thông minh;

a) Nội dung chỉ tiêu: Đơn vị có xây dựng Quy chế cụ thể vận hành Làng thông minh và hoạt động đạt hiệu quả;

b) Hồ sơ minh chứng: Văn bản Quy chế vận hành Làng thông minh có nội dung cụ thể được ban hành và triển khai áp dụng;

c) Hướng dẫn đánh giá: Nếu đạt yêu cầu của nội dung chỉ tiêu thì đánh giá "đạt", nếu chưa đạt yêu cầu của nội dung thì đánh giá "không đạt".

4.3. Tiêu chí: Lộ trình phát triển Làng thông minh;

a) Nội dung chỉ tiêu: Đơn vị có xây dựng Chương trình/Kế hoạch cụ thể về phát triển Làng thông minh để mở rộng, nâng cao hiệu quả hoạt động Làng thông minh;

b) Hồ sơ minh chứng: Văn bản về Chương trình/Kế hoạch phát triển Làng thông minh với nội dung cụ thể được ban hành và triển khai áp dụng;

c) Hướng dẫn đánh giá: Nếu đạt yêu cầu của nội dung chỉ tiêu thì đánh giá "đạt", nếu chưa đạt yêu cầu của nội dung thì đánh giá "không đạt".

Phụ lục II

DANH SÁCH THÀNH VIÊN TỔ ĐIỀU HÀNH PHỤ TRÁCH TIÊU CHÍ

(kèm theo Hướng dẫn số 1478*/HD-SKHCN ngày 17 / 07 /2023 của Sở Khoa học và Công nghệ)*

TT	Họ và tên thành viên *(đầu mối phụ trách)*	Chức vụ/đơn vị công tác	Thông tin liên lạc	Tiêu chí phụ trách
1	Ông Nguyễn Thành Tài	Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	ĐT: 0918.973 938 Email: thanhtainnhcl@gmail.com	Tiêu chí: 4.3
2	Ông Nguyễn Tấn Hoàng	Phó Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông	ĐT: 0913.794 800 Email: hoangntdt@gmail.com	Tiêu chí: 1.1; 1.2; 1.4; 2.1; 2.2; 2.3; 2.5
3	Ông Nguyễn Văn Vũ Minh	Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	ĐT: 0919 906 264 Email: nguyenvanvuminh0983@gmail.com	Tiêu chí: 3.1; 3.2; 3.3; 3.4; 3.5; 3.6; 3.7
4	Bà Lâm Thị Ngọc Kim	Phó Giám đốc Sở Y tế	ĐT: 0919 128 257 Email: ds.ngockim@yahoo.com.vn	Tiêu chí: 2.12
5	Ông Huỳnh Văn Nguyên	Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường	ĐT: 0939 99 00 22 Email: vpub.nguyen@gmail.com	Tiêu chí: 2.4
6	Ông Nguyễn Thanh Danh	Phó Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo	ĐT: 0918 66 49 46 Email: ntdanh.dongthap@moet.edu.vn	Tiêu chí: 2.6; 2.7; 2.9; 2.10
7	Ông Nguyễn Thanh Hải	Phó Giám đốc Công an Tỉnh	ĐT: 0918 330 009 Email: thanhhai2019dt@gmail.com	Tiêu chí: 1.3; 2.8
8	Ông Nguyễn Phi Đa	Phó Giám đốc Sở Nội vụ	ĐT: 0939 428 228 Email: nguyendavptudt@gmail.com	Tiêu chí: 2.11; 2.13; 4.1; 4.2